

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/KDTM-ST
Ngày: 19-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Tâm;

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 32/2025/TLST- KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-KDTM giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH R; địa chỉ: Số A KCN A, phường L, tỉnh Đồng Nai. Đại diện: Ông Trần Vũ K - Tổng giám đốc. Ông K ủy quyền lại cho ông Nguyễn Võ Đại M, bà Trần Thị Thu T, bà Trần Uyên T1.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH R; địa chỉ: Tầng A, đại lộ C, khu công nghiệp Q phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện: Ông Nagashima S, địa chỉ liên hệ: Tầng A, đại lộ C, khu công nghiệp Q phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2025, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:***

Ngày 02/07/2024, Công ty TNHH R (gọi tắt là Công ty R) và Công ty TNHH R (gọi tắt là Công ty R) ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/RYS-NAGA/2024 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng nguyên tắc) để thoả thuận việc mua bán các loại hạt nhựa, hạt nhựa màu.

Theo thoả thuận tại Hợp đồng nguyên tắc, khi phát sinh việc mua bán giữa hai bên thì hai bên sẽ tiến hành lập Đơn đặt hàng, trong đó ghi rõ chi tiết hàng hoá, số lượng, giá cả, phương thức thanh toán và các điều khoản (nếu có) cho từng lần phát sinh việc mua bán hàng hoá giữa hai bên.

Sau khi ký kết hợp đồng nguyên tắc nói trên, giữa hai bên đã thực hiện được nhiều đợt mua bán. Theo đó, trong tháng 12/2024, Công ty R với Công ty R đã phát sinh 03 đơn hàng, cụ thể như sau: Ngày 5/12/2024, giao đơn hàng gồm 975kg hạt nhựa POM 0PO-072 WHITE và 196kg hạt nhựa POM 0PO-068 GRAY với tổng số tiền là 89.746.000 VNĐ (hóa đơn giá trị gia tăng số 533). Ngày 16/12/2024, giao đơn hàng gồm 25kg hạt nhựa PA6 B30S 7PA-091 GRAY với tổng số tiền là 5.775.000 VNĐ (hóa đơn giá trị gia tăng số 553). Ngày 20/12/2024, giao đơn hàng gồm 197kg hạt nhựa ABS 0AB-095 WHITE với tổng số tiền là 15.602.400 VNĐ (hóa đơn giá trị gia tăng số 569). Tổng giá trị hàng hoá: 111.124.200 đồng.

Tại Điều 4 Hợp đồng nguyên tắc mà hai bên đã ký quy định về việc thanh toán như sau:

“- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên B giao hàng và xuất hoá đơn tài chính kèm các chứng từ liên quan.

- Nếu trễ hạn 03 ngày so với thời hạn thanh toán thì bên B phải chịu lãi suất phát sinh trên tổng giá trị của từng đơn hàng (hoá đơn giá trị gia tăng). Mức lãi suất phát sinh 0.055%/ngày, nhưng không quá 8% trên tổng đơn hàng.”

Như vậy, theo quy định trên thì trong vòng 30 ngày kể từ nhận được hoá đơn và các chứng từ liên quan thì Công ty R phải hoàn thành thanh toán công nợ mua hàng cho Công Ty R. Trong trường hợp này, hạn cuối thanh toán là vào ngày 20/01/2025 (tính theo đơn hàng cuối cùng). Tuy nhiên, quá thời hạn nêu trên Công ty R vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Công ty R đã liên hệ với Công ty R qua email: ‘s_n@vietnamnagashima.com để yêu cầu thanh toán công nợ. Ngày 16/06/2025, Công ty R1 chính thức có công văn yêu cầu Công ty R thanh toán nhưng Công ty R vẫn không thực hiện. Do đó, Công ty TNHH R khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH R NAGASHIMA phải thanh toán số tiền: 120.014.136 đồng. Trong đó, nợ gốc: 111.124.200 đồng; tiền lãi chậm thanh toán (mức tối đa 8%/năm trên tổng số tiền chậm trả) là: 8.889.936 đồng.

**** Ý kiến của bị đơn:***

Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho bị đơn biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng.

+ Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm này đã chấp hành đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 73, 85, 86 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm này đã vi phạm các các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: Không nhận thông báo hợp lệ để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để hòa giải, xét xử.

Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay đề nghị khắc phục.

Về nội dung vụ án: Ngày 02/7/2024, Công ty TNHH R và Công ty TNHH R ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/RYS-NAGA/2024 để thoả thuận việc mua bán các loại hạt nhựa, hạt nhựa màu. Địa điểm giao hàng tại kho hàng của Công ty R, chi phí vận chuyển do Công ty R chịu. Chi tiết hàng hoá, số lượng, giá cả và phương thức thanh toán được chỉ rõ trong đơn đặt hàng tương ứng. Hợp đồng nguyên tắc nêu trên phù hợp với quy định của Luật Thương mại năm 2005, có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015; đối tượng của hợp đồng không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 173/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp. Hợp đồng đáp ứng các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết; từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

Tổng giá trị các đơn hàng là: 111.124.200 đồng. Tại Điều 4 Hợp đồng nguyên tắc mà hai bên đã ký quy định về việc thanh toán như sau: *"Thời hạn thanh toán: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên B giao hàng và xuất hoá đơn tài chính kèm các chứng từ liên quan. Nếu trễ hạn 03 ngày so với thời hạn thanh toán thì bên B phải chịu lãi suất phát sinh trên tổng giá trị của từng đơn hàng (hoá đơn giá trị gia tăng). Mức lãi suất phát sinh 0.055%/ngày, nhưng không quá 8% trên tổng đơn hàng"*. Như vậy, theo quy định trên thì trong vòng 30 ngày kể từ nhận được hoá đơn và các chứng từ liên quan thì Công ty R phải hoàn thành thanh toán công nợ mua hàng cho Công Ty R. Tính theo đơn hàng cuối cùng thì hạn cuối Công ty R phải thanh toán là ngày 20/01/2025.

Mặc dù Công Ty R đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng theo đúng chất lượng, số lượng và tiến độ đã thoả thuận, Công ty R vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền nêu trên nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại các Điều 42, 50, 55 Luật thương mại năm 2019. Mặt khác, Công ty R đã liên hệ với Công ty R qua email: "" và ban hành công văn yêu cầu thanh toán công nợ ngày 16/6/2025 (lần 1) và ngày 01/8/2025 (lần 2) nhưng công ty R vẫn không thanh toán.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty R không hợp tác, vì vậy, ngày 06/3/2026 và 31/3/2026, Tòa án nhân dân khu vực 18 có Công văn số 215, 338 gửi cơ quan Thuế cơ sở 29 về việc yêu cầu cung cấp thông tin kê khai, quyết toán thuế của doanh nghiệp: Công ty TNHH R có sử dụng hóa đơn giá trị tăng số 569 ngày 20/12/2024, hóa đơn giá trị gia tăng số 553 ngày 16/12/2024, hóa đơn giá trị gia tăng số 533 ngày 05/12/2024 để kê khai, quyết toán và hoàn thuế giá trị gia tăng thuế không? Ngày 21/5/2025, cơ quan Thuế thành phố H có văn bản trả lời như sau: Công ty TNHH R, mã số thuế: 3700798037, địa chỉ: Tầng A, đại lộ C, khu công nghiệp Q phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30/3/2026 Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp G đã ra Thông báo số 6676/TP .HCM về việc giải trình bổ sung thông tin, tài liệu. Ngày 13/4/2026, Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp G đã ra Thông báo lần 2 số 9063/TP .HCM về việc giải trình bổ sung thông tin, tài liệu. Đến ngày 19/5/2026, Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp G vẫn chưa nhận được thông tin tài liệu Công ty cung cấp. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, toà án thu thập và quy định của pháp luật tại các Điều 24, 34, 37, 42, 50, 55 Luật thương mại năm 2019; Điều 116, 117, 401, 468 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH R.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình

tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hiệu khởi kiện: Vẫn còn thời hiệu theo Điều 139 Luật thương mại.

[2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu phát sinh theo hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai đương sự có tư cách pháp nhân và có mục đích lợi nhuận nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Bị đơn có trụ sở tại Tầng A, đại lộ C, khu công nghiệp Q phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Ngày 02/7/2024, Công ty TNHH R và Công ty TNHH R ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/RYS-NAGA/2024 để thoả thuận việc mua bán các loại hạt nhựa, hạt nhựa màu. Địa điểm giao hàng tại kho hàng của Công ty R, chi phí vận chuyển do Công ty R chịu. Chi tiết hàng hoá, số lượng, giá cả và phương thức thanh toán được chỉ rõ trong đơn đặt hàng tương ứng. Hợp đồng nguyên tắc nêu trên phù hợp với quy định của Luật Thương mại, có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015; đối tượng của hợp đồng không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh theo quy định pháp luật. Hợp đồng nguyên tắc đáp ứng các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết; từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

[3.2] Sau khi ký kết Hợp đồng nguyên tắc nói trên, giữa hai bên đã thực hiện được nhiều đợt mua bán thể hiện qua Hóa đơn giá trị gia tăng số 569 ngày 20/12/2024; Hóa đơn giá trị gia tăng số 553 ngày 16/12/2024; Hóa đơn giá trị gia tăng số 533 ngày 05/12/2024 với tổng giá trị 111.124.200 đồng. Quá trình mua bán, bên mua đã nhận hàng hóa nhưng chậm thanh toán nên bên bán đã nhiều lần gửi mail, thư yêu cầu thanh toán nhưng bên mua không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm điều 50, 55 Luật thương mại.

[3.3] Ngày 11/3/2026, Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở tài chính Thành phố H có công văn 2941 thể hiện, Công ty TNHH R vẫn còn đăng ký hoạt động kinh doanh. Tại Công văn 5654 ngày 21/5/2026 của Thuế Thành phố H xác định: Căn cứ vào cơ sở dữ liệu tại hệ thống quản lý thuế tập trung, dữ liệu trên hệ thống hóa đơn điện tử và hồ sơ kê khai thuế do người nộp thuế nộp trên cổng thông tin điện tử thì không tìm thấy thông tin kê khai thuế của Công ty TNHH R. Thuế Thành phố H có yêu cầu Công ty TNHH R NAGASHIMA giải trình việc kê khai nộp thuế liên quan đến Công ty TNHH R nhưng Công ty

TNHH R không cung cấp thông tin là thực hiện không đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

[4] Quá trình thực hiện tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn được Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không tham gia các buổi làm việc, buổi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử nên yêu cầu khởi kiện thanh toán tiền gốc của Công ty TNHH R là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về yêu cầu phạt vi phạm: Tại điều 4 của hợp đồng nguyên tắc thể hiện nội dung “Nếu trễ hạn 03 ngày so với thời hạn thanh toán thì bên B phải chịu lãi xuất phát sinh trên tổng giá trị của từng đơn hàng (hóa đơn giá trị gia tăng). Mức lãi suất phát sinh là 0.055%/ngày nhưng không quá 8% trên tổng đơn hàng. Hiện nay, bên NAGASHIMA chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ của bên mua. Do đó, Công ty TNHH R yêu cầu số tiền 8.889.936 đồng là phù hợp nên được chấp nhận theo Điều 300, 301 Luật Thương mại.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 có ý kiến về phần các thủ tục tố tụng, diễn biến tại phiên tòa và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 116, 117, 401, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 50, 55, 300, 301, 319 Luật thương mại năm 2019;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH R với Công ty TNHH R.

Buộc Công ty TNHH R có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH R số tiền 120.014.136 đồng (một trăm hai mươi triệu không trăm mười bốn ngàn một trăm ba mươi sáu đồng), gồm nợ tiền gốc 11.124.200 đồng và tiền phạt vi phạm là 8.889.936 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty TNHH R có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH R NAGASHIMA không thanh toán số tiền nêu trên theo thỏa thuận thì hàng tháng Công ty TNHH R còn phải chịu tiền lãi

theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH R phải chịu 6.000.707 đồng (sáu triệu bảy trăm lẻ bảy đồng).

2.2. Hoàn trả cho Công ty TNHH R số tiền 3.000.353 đồng (ba triệu ba trăm năm mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016684 ngày 11/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18-TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18-TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Tuấn Nam

